TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **250**/2023/HNGĐ-ST
Ngày 17 tháng 5 năm 2023
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Ni.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Ngọc Ánh.

2. Ông Châu Vũ Bình (Châu Văn Bình).

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Nguyễn Ái Quyên - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Phạm Minh Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 94/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp "Ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Tuyết F**, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Ấp B, xã C, huyện A, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh **Võ Trúc G**, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Ấp D, xã E, huyện A, tỉnh Tiền Giang.

(Có mặt chị F, anh G)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 27/01/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Tuyết F trình bày: Chị và anh Võ Trúc G chung sống với nhau năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện A, tỉnh Tiền Giang vào ngày 21/02/2017. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì H sinh mâu thuẫn do anh G có quan hệ với người phụ nữ khác, chị đã tha thứ cho anh G. Năm 2021, vợ chồng H sinh mâu thuẫn về tiền bạc, anh G không lo chăm sóc gia đình nhiều, ghen tuông vô cớ và hăm dọa chị

nhiều lần. Vợ chồng ly thân từ tháng 3/2023 cho đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh G.

Về con chung: Có 01 con chung là Võ Tiến H, sinh ngày 13/3/2018. Chị F yêu cầu giao con cho chị nuôi dưỡng, không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là anh Võ Trúc G trình bày: Năm 2019, anh có nhắn tin với người phụ nữ khác nên chị F nghi ngờ anh có quan hệ với người phụ nữ khác, mỗi tháng anh có đưa cho chị F 5.000.000 đồng. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 3/2023. Nay anh còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn với chị F.

Về con chung: Có 01 con chung là Võ Tiến H, sinh ngày 13/3/2018. Anh G yêu cầu giao con cho anh nuôi dưỡng, không yêu cầu chị F cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa:

- Chị F trình bày: Chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Anh G trình bày: Từ khi nộp đơn khởi kiện chị F chỉ nhận 3.000.000 đồng tiền phụ giúp gia đình. Anh không có ghen tuông vô cớ và hăm dọa chị F mà là do chị F đi sớm về trễ với bạn khác giới. Anh đồng ý ly hôn với chị F do chị F kiên quyết yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Con chung đang sống chung với anh và chị F tại ấp B, xã C, huyện A, tỉnh Tiền Giang. Anh yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị F cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát H biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử và đương sự từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử chuẩn bị nghị án đều đúng theo trình tự do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị ghi nhận sự thuận tình ly hôn của chị Nguyễn Thị Tuyết F và anh Võ Trúc G; giao con chung là Võ Tiến H, sinh ngày 13/3/2018 cho chị F nuôi dưỡng, anh G không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi thẩm tra xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nghe lời trình bày và H biểu tranh luận của đương sự, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Chị F khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh G nên đây là tranh chấp ly hôn được quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị F và anh G kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã E, huyện A, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, tại phiên tòa chị F vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh G và anh G đồng ý ly hôn với chị F nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị F và anh G theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh chị có 01 con chung là Võ Tiến H, sinh ngày 13/3/2018. Chị F yêu cầu được nuôi con, anh G không đồng ý giao con cho chị F nuôi dưỡng, anh G yêu cầu được nuôi con. Xét thấy, cháu H đang sống với chị F, anh G và gia đình chị F, vì vậy để đảm bảo cho sự H triển toàn diện, ổn định về tâm lý và cuộc sống của cháu thì Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu cho chị F nuôi dưỡng, theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chị F không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Đề nghị của Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện A là có cơ sở và phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Chị F phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 55, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Tuyết F.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tuyết F và anh Võ Trúc G thuận tình ly hôn;

- Về con chung: Giao con chung là Võ Tiến H, sinh ngày 13/3/2018 cho chị F nuôi dưỡng. Anh G không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh G có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

2. Về án phí:

Chị F phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình, chị đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0025655 ngày 21/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện A, nên chị đã nộp xong.

3. Về quyền kháng cáo: Chị F và anh G có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND h. A;
- Chi cục THADS h. A;
- UBND xã E, h. A;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Thị Huyền Ni